

vượt trội với 74 họ, 177 chi, 220 loài. Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) với 7 họ, 8 chi, 9 loài. Trong ngành Ngọc lan thì lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) có số lượng loài cây thuốc phong phú nhất, chiếm ưu thế vượt trội với 179 loài, 142 chi, 55 họ; lớp Hành (Liliopsida) với 41 loài, 35 chi, 19 họ.

Khả năng định sự hiện diện của loài cà na (*Elaeocarpus hygrophilus* Kurz) và bí kỳ nam (*Hydnophytum formicarum* Jack.) được ghi nhận có trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), loài Lỗi tiên (*Stephania longa* Lour.) nằm trong Nghị định 84/2021/NĐ-CP cho Vườn Quốc gia U Minh Hạ.

Trong 6 dạng cây thì nhóm cây thân cỏ/thân thảo có 121 loài cao nhất so với 5 dạng sống còn lại; nhóm cây thân gỗ có 38 loài, nhóm cây bụi 37 loài, nhóm cây dây leo có 30 loài, hai nhóm có số lượng loài thấp nhất là nhóm thực vật ký sinh và phụ sinh mỗi loài có số lượng lần lượt 2 loài đối với nhóm thực vật ký sinh, và nhóm thực vật phụ sinh 1 loài.

Dùng toàn cây có số lượng loài nhiều nhất với 114 loài, tiếp theo là sử dụng lá/cành có 62 loài, sử dụng dùng rễ/rễ củ có 55 loài. Sử dụng hoa/quả/hạt có 43 loài, thân/vỏ có 41 loài và thấp nhất là sử dụng nhựa mủ 10 loài.

Các loài cây thuốc tại đây có khả năng điều trị 20 nhóm bệnh khác nhau trong đó 3 nhóm bệnh được chữa trị có số lượng loài nhiều nhất là nhóm thuốc chữa bệnh về gan, thận, mật và đường tiết niệu 124 loài, kế đến nhóm chữa bệnh ngoài da có 100 loài và nhóm chữa bệnh đường hô hấp chiếm 83 loài.

Các loài cây thuốc chủ yếu phân bố nơi đất ẩm ven đường mòn có 118 loài chiếm số lượng loài nhiều nhất trên tổng số loài. Tiếp theo là nhóm cây thuốc sống ven kênh rạch/đất ngập nước có 45 loài, kế đến nhóm cây thuốc trồng trong vườn nhà có 36 loài. Thấp nhất là số cây thuốc phân bố ở rừng ngập mặn 19 loài và rừng tràm chỉ có 11 loài.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được thực hiện từ sự tài trợ kinh phí của chương trình Tây Nam Bộ để thực hiện đề tài: “Đánh giá hiện trạng và tiềm năng phát triển nguồn tài nguyên cây thuốc và nghiên cứu bảo tồn, trồng trọt một số loài cây thuốc ở một số tỉnh vùng Tây Nam Bộ [TNB.ĐT/14-19/C16]”. Các tác giả xin chân thành cảm ơn Ban Chỉ đạo chương trình Tây Nam Bộ, UBND Tỉnh, Sở, Hội Đông Y tỉnh Cà Mau, Vườn Quốc gia U Minh Hạ, VQG Mũi Cà Mau và người dân địa phương đã tạo điều kiện và hỗ trợ trong suốt quá trình thực hiện khảo sát nghiên cứu.

Tài liệu tham khảo

1. Viện Dược liệu, 2006. *Nghiên cứu thuốc từ thảo dược*. NXB Khoa học và Kỹ thuật.
2. Võ Văn Chi, 2012. *Từ điển cây thuốc Việt Nam*. NXB Y học TP. HCM.
3. Phạm Hoàng Hộ (1999 - 2000) *Cây cỏ Việt Nam, quyển I, II, III*. NXB Trẻ tp. Hồ Chí Minh.
4. Đỗ Huy Bích, Đặng Quang Chung, Bùi Xuân Chương, Nguyễn Thượng Đông, Đỗ Trung Đàm, Phạm Văn Hiến, Vũ Ngọc Lộ, Phạm Duy Mai, Phạm Kim Mân, Đoàn Thị Nhu, Nguyễn Tập, Trần Toàn (2013). *Cây thuốc và Động vật làm thuốc ở Việt Nam*. NXB Khoa học và Kỹ thuật. Hà Nội. Tập I. II (2004). Tập III (2013).
5. Viện Dược liệu (2016) *Danh lục cây thuốc Việt Nam*. NXB Khoa học và Kỹ thuật.
6. Gaussen F. (1908). Zinobéracées. In: Lecomte H. ed. *Flore Générale de l'Indo-Chine*. Masson & Co. Paris. 6, 1744 pages.
7. Wu Z., Raven P. H., Hong D. Y. (2011). *Flora of China* 19, Science Press, Beijing and Missouri Botanical Garden Press, St. Louis, 694 pages.
8. Nguyễn Tiến Bân (2003-2005), *Danh lục các loài thực vật Việt Nam, tập I, II*. NXB Nông nghiệp Hà Nội, 2.498 trang.
9. www.tropicos.org [<https://www.tropicos.org/home>] (Truy cập tháng 26 tháng 9 năm 2020).
10. www.inniflora.org [<https://www.inniflora.org/>] (Truy cập tháng 26 tháng 9 năm 2020).
11. Plant of the world online [<https://powo.science.kew.org/>] (Truy cập tháng 26 tháng 12 năm 2022).
12. Bộ Khoa học và công nghệ (2007), *Sách đỏ Việt Nam, Phần II: Thực vật*. NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Hà Nội.
13. Bộ Khoa học và công nghệ (2007). *Danh lục đỏ Việt Nam*. NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ Hà Nội.
14. Nguyễn Tấn (2019). *Danh lục đỏ cây thuốc Việt Nam. Tạp chí Dược liệu* 24(6): 319-328.
15. Chính phủ (2021). *Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp*.
16. Nguyễn Nghĩa Thìn (2007) *Các phương pháp nghiên cứu thực vật*. NXB Đại học Quốc gia. Hà Nội.
17. Đỗ Tất Lợi (2006), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*. NXB Y học.
18. Bộ Y tế (2013), Thông tư số 40/2013/TT-BYT, ngày 18/11/2013 về việc ban hành danh mục thuốc thiết yếu thuốc đông y và thuốc từ dược liệu lần IV.

Tạp chí Dược liệu, tập 28, số 1/2023 (Trang 60 - 64)

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ TÍNH ĐA DẠNG CÂY THUỐC TẠI HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG

**Đặng Minh Tú¹, Nguyễn Quỳnh Nga¹, Phan Văn Trường¹, Nguyễn Văn Hiếu¹, Lại Việt Hưng¹,
Nhâm Minh Phúc¹, Nguyễn Khương Duy¹, Nguyễn Thị Lan Hoa¹, Lê Thị Tú Linh¹,
Đỗ Thị Xuyên², Phạm Thanh Huyền^{1,*}**

¹Viện Dược liệu; ²Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội

*Email: huyenptnimm@gmail.com

(Nhận bài ngày 18 tháng 01 năm 2023)

Tóm tắt

Trong năm 2022, nhóm nghiên cứu của Trung tâm Tài nguyên Dược liệu (Viện Dược liệu) và cs. đã tiến hành điều tra tại 12 xã/thị trấn của huyện Sơn Động. Kết quả điều tra đã ghi nhận được 649 loài thực vật làm thuốc, thuộc 437 chi, 149 họ của 6 ngành thực vật có mạch. Thành phần cây thuốc của huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang phong phú ở các bậc phân loại, đa dạng về dạng sống, công dụng, bộ phận sử dụng làm thuốc. Nhóm nghiên cứu cũng đã ghi nhận 39 loài có giá trị bảo tồn; 113 loài đang được khai thác; 13 loài cây thuốc đang được trồng và phát triển ở huyện Sơn Động.

Từ khóa: Đa dạng, Cây thuốc, Huyện Sơn Động.

Summary

Results of Surveying and Assessing the Diversity of Medicinal Plants in Son Dong District, Bac Giang Province

In 2022, the research team of The Medicinal Materials Resources Center (National Institute of Medicinal Material) and colleagues investigated 12 communes/town in Son Dong district (Bac Giang province). The survey results have recorded 649 medicinal plant species, belonging to 437 genera, 149 families of 6 vascular plants. Medicinal plants of Son Dong district, Bac Giang province are diversity and rich in taxonomic levels, diverse in life forms, uses, and parts used as medicine. There are 39 threatened species of the high conservation value; 113 species are being exploited; 13 species of medicinal plants are being planted and developed in Son Dong district.

Keywords: Diversity, Medicinal plants, Son Dong district.

1. Đặt vấn đề

Son Động là huyện vùng cao của tỉnh Bắc Giang có địa hình đa dạng và đặc thù riêng ở từng khu vực. Địa hình Son Động chủ yếu là đồi và núi thấp đến núi trung bình với độ cao trung bình khoảng 450m, nơi cao nhất là đỉnh núi Yên Tử (1.068m) và các đỉnh Bảo Đài (875m), Ba Nồi (862m) (thuộc dãy Yên Tử); thấp nhất là 52 m thuộc khu vực thung lũng sông Lục Nam. Diện tích rừng huyện Son Động (rừng phòng hộ, rừng đặc dụng) là 18571,99 ha. Hệ sinh thái rừng chia làm 2 kiểu rừng chính: Rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới phân bố ở độ cao dưới 700m so với mặt biển và Rừng kín thường xanh mưa ẩm á nhiệt đới núi thấp phân bố ở độ cao từ 700m - 1068m. Với địa hình, hệ sinh thái rừng đa dạng đã dẫn đến tính chất đa dạng của các loài cây thuốc trong khu vực. Nơi đây có một số dân tộc sinh sống như: Tày, Cao Lan, Hoa, Nùng, Dao, Sán Dìu, Mường, Thái, Giáy,... với các tri thức bản địa về việc sử dụng cây thuốc đa dạng và phong phú [1].

Do khai thác chưa chú trọng đến bảo tồn và phát triển bền vững cùng với nhiều nguyên nhân khác đã làm cho nhiều loài cây thuốc bị cạn kiệt và đứng trước nguy cơ bị tuyệt chủng. Bên cạnh đó, nhiều ông lang, bà mẹ có nhiều kinh nghiệm cũng mất đi, việc bảo tồn tri thức sử dụng cây thuốc/bài thuốc cũng chưa được quan tâm đúng mức.

Để có cơ sở khoa học phục vụ công tác bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên dược liệu tại địa phương, chúng tôi thực hiện "Điều tra, đánh giá tính đa dạng cây thuốc tại huyện Son Động, tỉnh Bắc Giang".

2. Phương pháp và địa điểm nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

**Phương pháp điều tra thực địa theo tuyến:*

- Kết hợp điều tra thực địa và phỏng vấn theo Nguyễn Tập năm 2006 [2] và Nguyễn Nghĩa Thìn (2007) [3].

**Xử lý mẫu tại phòng thí nghiệm, làm tiêu bản*

- Mẫu sau khi được thu thập ngoài thực địa sẽ được xử lý và lưu trữ trong phòng thí nghiệm theo phương pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn

(2007) [3] và sử dụng TCVN 13531: 2022.

Các tiêu bản cây thuốc được làm theo phương pháp làm mẫu thực vật khô, và được lưu giữ tại phòng tiêu bản Trung tâm Tài nguyên Dược liệu, Viện Dược liệu.

**Phương pháp định loại bằng so sánh hình thái*

- Xác định tên khoa học các loài cây thuốc theo phương pháp so sánh hình thái của (Nguyễn Nghĩa Thìn, 2007) [3] và sử dụng khóa phân loại trong các tài liệu chuyên khảo [4],[5],[6],[7],[8].

- Đối chiếu tên khoa học cây thuốc trong "Danh lục cây thuốc Việt Nam 2016" [9].

- Chính lý tên khoa học, họ thực vật theo công bố mới nhất về danh pháp (theo hệ thống APG IV) [10],[11].

**Phương pháp chuyên gia*

- Xin ý kiến các chuyên gia về lĩnh vực phân loại các họ thực vật.

**Xử lý số liệu*

- Xác định dạng sống và đánh giá mức độ đa dạng về bậc họ, chi [12].

- Xác định danh sách các loài cây thuốc cần bảo vệ ở Việt Nam được ghi nhận tại huyện Son Động, tỉnh Bắc Giang theo: Danh lục Đỏ Việt Nam, phần II - Thực vật, năm 2007 [13]; Sách Đỏ Việt Nam, phần II - Thực vật, năm 2007 [14]; Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam, 2019 [15]; Nghị định số 84/2021/NĐ-CP, ngày 22 tháng 9 năm 2021, của Thủ tướng Chính phủ về Quản lý Thực vật, động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm [16].

2.2. Địa điểm điều tra nghiên cứu

Từ tháng 01 đến tháng 12/2022 đã tiến hành 11 tuyến điều tra khảo sát tại 12 xã/thị trấn, thuộc huyện Son Động, tỉnh Bắc Giang gồm: TT. Tây Yên Tử, xã An Lạc, xã Vân Sơn, xã Vĩnh Khương, xã Cẩm Đàn, xã Lệ Viễn, xã Vĩnh An, xã Dương Hưu, xã Long Sơn, xã Tuấn Đạo, xã Thanh Luận, xã Yên Định.

3. Kết quả điều tra nghiên cứu

3.1. Thành phần loài cây thuốc ghi nhận được

Kết quả điều tra đã xây dựng được danh lục thành phần cây thuốc tại huyện Son Động, tỉnh Bắc Giang gồm 649 loài, thuộc 437 chi, 149 họ của 6 ngành thực vật có mạch.

Bảng 1. Kết quả điều tra về thành phần cây thuốc tại huyện Son Động

Các bậc phân loại Thực vật	Họ		Chi		Loài	
	Số họ	Tỉ lệ % họ	Số chi	Tỉ lệ % chi	Số loài	Tỉ lệ % loài
Ngành Thông đất (Lycopodiophyta)	1	0,67	1	0,23	1	0,15
Ngành Cỏ Thấp bút (Equisetophyta)	1	0,67	1	0,23	1	0,15
Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta)	9	6,04	11	2,52	17	2,62

Các bậc phân loại Thực vật	Họ		Chi		Loài	
	Số họ	Tỉ lệ % họ	Số chi	Tỉ lệ % chi	Số loài	Tỉ lệ % loài
Ngành Thông (Pinophyta)	3	2,02	5	1,14	6	0,93
Ngành Gầm (Gnetophyta)	1	0,67	1	0,23	2	0,31
Ngành Ngọc lan (Magnoliophyta)	134	89,93	418	95,65	622	95,84
Lớp Ngọc lan (Magnoliopsida)	113	75,84	365	83,52	545	83,98
Lớp Hành (Liliopsida)	21	14,09	53	12,13	77	11,86
Tổng số	149	100	437	100	649	100

Nhận xét: So sánh toàn bộ hệ thực vật làm thuốc trên cả nước được thông kê trong cuốn “Danh lục cây thuốc Việt Nam” năm 2016 là 5.045 loài (trừ nhóm Nấm và Tảo) thì số loài cây thuốc ghi nhận được tại huyện Sơn Động tương đương với 12,86%. Khi so với danh lục cây thuốc của tỉnh Lạng Sơn năm 2020 [17] là 930 loài thuốc cùng hệ thực vật Bắc Việt Nam - Nam Trung Hoa, thì số loài cây thuốc của Sơn Động đạt 69,78%. Tuy huyện Sơn Động chỉ là một vùng diện tích nhỏ so với diện tích của một tỉnh hay phạm vi cả nước nhưng kết quả nghiên cứu cho thấy thành phần loài cây thuốc ở nơi đây cũng rất đa dạng và phong phú.

*Đa dạng về bậc phân loại

Ở bậc ngành, trong tổng số 649 loài thực vật làm thuốc đã được xác định trong 6 ngành thực vật có mạch thì ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) có số lượng loài lớn nhất 622 loài, chiếm 95,84% tổng số loài. Một số đại diện của của ngành Ngọc lan: Dây bông xanh (*Thunbergia grandiflora*), Nóng (*Saurauia tristyla*), dây đang (*Aganonerion polymorphum*), chóc gai (*Lasia spinosa*), Củ nâu (*Dioscorea cirrhosa*), dây bò khai (*Erythralium scandens*), đậu mèo (*Mucuna pruriens*), an xoa (*Helicteres hirsute*)...

Ở bậc họ, 10 họ giàu nhất gồm: Họ Đậu (Fabaceae); họ Bạc hà (Lamiaceae); họ Cà phê (Rubiaceae); họ Cúc (Asteraceae); họ Bông (Malvaceae); họ Thầu dầu (Euphorbiaceae); họ Dầu tằm (Moraceae); họ Diệp hạ châu (Phyllanthaceae); họ Nhân sâm (Araliaceae); họ Trúc đào (Apocynaceae) có số lượng loài là 244, chiếm 37,60% so với tổng số loài cây thuốc đã được điều tra, tức tỉ lệ cần so sánh tổng số lượng 10 họ giàu loài nhất/tổng số loài ghi nhận $P = 37,60 < 50\%$. Chứng tỏ, khu vực điều tra có tính đa dạng về họ cây thuốc.

Ở bậc chi, Tổng số loài trong 10 chi giàu loài nhất là 59 loài, chiếm 13,5% tổng số loài điều tra hay $P = 13,5\%$. Chi giàu loài nhất là *Ficus* (họ Dầu tằm - Moraceae) 11 loài; tiếp theo là chi *Solanum* (họ Cà - Solanaceae) 7 loài; các chi *Clerodendrum* (họ Bạc hà Lamiaceae), *Lindernia* (họ Lữ đăng - Linderniaceae), *Phyllanthus* (họ Diệp hạ châu - Phyllanthaceae) đều 6 loài; các chi *Dioscorea* (họ Củ nâu - Dioscoreaceae), *Euphorbia*, *Mallotus* (họ Thầu dầu - Euphorbiaceae) đều 5 loài; các chi *Cissus* (Họ Nho - Vitaceae), *Sida* (Họ Bông - Malvaceae)

đều 4 loài. Nếu tính chung cho tất cả các chi thì mỗi chi thường chỉ có 1 - 2 - 3 loài. Từ đó có thể thấy rằng: bậc phân loại chi cây thuốc ở đây rất đa dạng nhưng lại tương đối nghèo về số loài trong từng chi. Tuy nhiên điều đó đã phản ánh xác thực được tính đa dạng cao về thành phần cây thuốc tại khu vực.

* Sự phong phú về dạng sống

Kết quả phân tích sự đa dạng dạng sống được trình bày ở Bảng 2:

Bảng 2. Sự đa dạng về dạng sống của cây thuốc huyện Sơn Động

STT	Dạng sống	Số loài	Tỉ lệ (%)
1	Nhóm cây chồi trên (Ph)	478	73.65
1.1	Cây chồi trên to (Mg)	28	4.31
1.2	Cây chồi trên nhỏ (Me)	74	11.40
1.3	Cây chồi trên nhỏ (Mi)	125	19.26
1.4	Cây chồi trên lùn (Na)	63	9.71
1.5	Cây bì sinh (Ep)	3	0.46
1.6	Cây kí sinh hoặc bán kí sinh (Pp)	2	0.31
1.7	Cây mọc nước (Suc)	4	0.62
1.8	Cây dây leo (Lp)	107	16.49
1.9	Cây chồi trên thân thảo (Hp)	72	11.09
2	Nhóm cây chồi sát đất (Ch):	14	2.16
3	Nhóm cây chồi nửa ẩn (Hm)	40	6.16
4	Nhóm cây chồi ẩn (Cr)	25	3.85
5	Nhóm cây một năm (Th)	92	14.18
	Tổng số	649	100

Kết quả ở Bảng 2 cho thấy, nhìn chung hệ thực vật làm thuốc của huyện Sơn Động có đầy đủ 5 dạng sống của thực vật. Trong đó, Nhóm cây chồi trên (Ph) chiếm ưu thế với 478 loài chiếm 73,65%; đại diện nhóm gồm các loài như: Nóng (*Saurauia tristyla*), giáng của (*Viburnum colebrookeanum*), bồ bèo việt nam (*Goniothalamus vietnamensis*)... Thứ hai, nhóm cây một năm (Th) với 92 loài chiếm 14,18%; có các loài đại diện như: Rau muối (*Chenopodium ficifolium*), mào gà (*Celosia argentea*), bồ bồ (*Adenosma indiana*)... Thứ ba, nhóm nhóm cây chồi nửa ẩn (Hm) với 40 loài, chiếm 6,16%; nhóm cây chồi ẩn (Cr) với 25 loài, chiếm tỉ lệ nhỏ là 3,85%. Nhỏ nhất là nhóm cây chồi sát đất (Ch) với 14 loài 2,16%.

Đáng lưu ý, các dạng sống của nhóm cây chồi trên rất đa dạng, có đầy đủ 09 nhóm nhỏ. Tỉ lệ các dạng sống tương đối cân bằng và không có dạng sống nào hoàn toàn chiếm ưu thế. Với kết quả này,

tỉ lệ các dạng thân đa dạng và phong phú đã phản ánh được sự phát triển nhiều nhóm loài thực vật với các điều kiện tự nhiên đa dạng của huyện.

***Đa dạng về nhóm công dụng làm thuốc**

Căn cứ theo cách phân chia các nhóm bệnh thường sắp theo tại thông tư số: 19/2018/TT-BYT. Tổng số 649 loài cây thuốc đã ghi nhận được phân chia theo 16 nhóm bệnh (Bảng 3):

Bảng 3. Sự đa dạng các nhóm công dụng làm thuốc tại huyện Sơn Động

STT	Nhóm bệnh	Tổng số
1	Bệnh cảm sốt, cảm cúm, nhức đầu	124
2	Bệnh ngoài da (nhiễm trùng, vết thương, ghẻ lở, mơn nhọt, dị ứng, eczema,...)	90
3	Bệnh về xương khớp (thấp khớp, viêm khớp, đau lưng, gai cột sống, bó gậy xương,...)	72
4	Động vật cắn (Rắn cắn)	63
5	Bệnh về đường tiêu hóa (tiêu chảy, ỉa, trực tràng, đau dạ dày,...)	62
6	Bệnh về gan (viêm gan (A, B,...), xơ gan, ung thư gan)	59
7	Bệnh về thận và đường tiết niệu (sỏi thận, viêm thận, phù do thận, yếu thận, viêm đường tiết niệu,...)	48
8	Bệnh về răng miệng	31
9	Bệnh về sinh dục nam (viêm nhiễm...)	30
10	Bệnh về đường hô hấp (viêm phổi, phế quản, hen, ung thư phổi,...)	29
11	Bệnh về phụ nữ (hậu sản, kinh nguyệt, viêm nhiễm...)	29
12	Bồi dưỡng sức khỏe, suy nhược cơ thể	29
13	Bệnh về thần kinh, não (an thần, mất ngủ, động kinh, xuất huyết não...)	29
14	Bệnh về mắt	29
15	Bệnh về tim mạch, máu, huyết áp (huyết áp cao, suy tim, nhiễm trùng máu...)	24
16	Bệnh của trẻ em (cam, đan, ý, khóc đêm...)	23

Từ Bảng 3 cho thấy, số cây chữa nhóm bệnh cảm sốt là cao nhất với 124 loài ghi nhận, tiếp đến là các nhóm bệnh ngoài da (90 loài) với các đại diện như rau má (*Centella asiatica*), Cỏ mực (*Eclipta prostrata*), địa liền (*Kaempferia galanga*); nhóm bệnh về xương khớp (72 loài) với các loài như gân đỏ (*Tetrastigma caudatum*), tứ phương đằng (*Cissus hastata*), thanh táo (*Justicia gendarussa*)...; nhóm bệnh động vật cắn (63 loài) như: Lỗ tiên (*Stephania longa*), rau răm (*Persicaria odorata*), chua ngút hoa trắng (*Embelia laeta*)...; nhóm bệnh đường tiêu hóa (62 loài): Hoàn ngọc trắng (*Pseuderanthemum palatiferum*), hoàn ngọc đỏ (*Strobilanthes schomburgkii*), hoàng đằng (*Fibraurea tinctoria*)... Các nhóm bệnh có số loài thấp như sinh dục nam với 30 loài, nhóm bệnh về mắt, phụ nữ, thần kinh, bồi bổ sức khỏe đều 29 loài; bệnh về tim mạch với 24; bệnh của trẻ em là 23 loài.

***Đa dạng về bộ phận dùng làm thuốc**

Kết quả thống kê về bộ phận dùng làm thuốc Dựa vào các tài liệu về cây thuốc đã công bố và điều tra phỏng vấn nhanh tại huyện Sơn Động được thể hiện tại Bảng 4:

Bảng 4. Sự đa dạng về bộ phận dùng làm thuốc tại huyện Sơn Động

STT	Bộ phận sử dụng	Tổng số
1	Lá	236
2	Rễ (rễ, thân rễ, rễ củ)	190
3	Cả cây	141
4	Thân	129
5	Vỏ thân, vỏ rễ	60
6	Cành lá	44
7	Quả	33
8	Hạt	32
9	Hoa	25
10	Phần trên mặt đất (Cả cây trừ rễ)	16
11	Nhựa, mủ	6
12	Gai, móc câu	4
13	Đài quả, đài hoa	2

Kết quả phân tích về sự đa dạng các bộ phận sử dụng làm thuốc gồm 13 nhóm bộ phận khác nhau. Trong đó, lá là bộ phận được sử dụng nhiều nhất trong việc chữa bệnh, với các đại diện như khôi đóm (*Sanchezia nobilis*), trinh nữ hoàng cung (*Crimum latifolium*), diếp cá (*Houttuynia cordata*)...; Bộ phận tiếp theo là rễ với các loài như ba kích (*Morinda officinalis*), gai (*Boehmeria nivea*), bồ bèo trắng (*Gomphandra mollis*)...; tiếp nữa là dùng cả cây như dạ cầm (*Oldenlandia hedyotideia*), cỏ mần trầu (*Eleusine indica*)...; sử dụng thân như cỏ rùa huyết (*Callerya dasphylla*), dây đau xương (*Tinospora sinensis*), huyết giác (*Dracaena cochinchinensis*). Một số bộ phận khác sử dụng với số lượng loài nhỏ như móc câu, gai, đài hoa, đài quả.

Do các nguyên nhân chủ quan hay khác quan khác nhau, nhiều đối tượng loài vốn trước đây người dân địa phương chỉ dùng bộ phận là rễ hoặc rễ củ để đạt được kết quả thuốc tốt, nay do khan hiếm nguồn thuốc họ đã tận dụng dùng cả thân hoặc dây hoặc chuyển sang loài cây thuốc khác có công dụng tương tự ít hiệu quả hơn để thay thế. Như vậy có thể nói rằng, nguồn tài nguyên cây thuốc ở địa phương đang có dấu hiệu suy giảm cả về số lượng lẫn chất lượng.

3.2. Hiện trạng cây thuốc tại huyện Sơn Động tỉnh Bắc Giang

*** Các loài cây thuốc có giá trị bảo tồn**

Ghi nhận 39 loài cây thuốc có giá trị bảo tồn tại huyện Sơn Động thuộc 37 chi, 29 họ. Cụ thể: 30 loài Danh lục đỏ (2007): 22 loài xếp hạng Sẽ nguy cấp (VU), 05 loài Nguy cấp (EN), 02 loài Rất nguy cấp (CR); 30 loài Sách đỏ Việt Nam (2007): 23 loài xếp hạng Sẽ nguy cấp (VU), 05 loài Nguy cấp (EN), 01 loài Rất nguy cấp (CR); 14 loài trong Danh lục đỏ cây thuốc (Nguyễn Tập 2019): 09 loài xếp hạng Sẽ nguy cấp (VU), 04 loài Nguy cấp (EN), 01 loài Rất nguy cấp (CR); 12 loài thuộc nhóm IIA - Hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại trong Nghị định 84/2021.

Trong quá trình điều tra thực tế ghi nhận các loài cây thuốc có giá trị bảo tồn ở huyện Sơn

Động, phần lớn các loài có tần suất bắt gặp ít hoặc hiếm gặp, một số loài tần suất gặp nhiều thì số lượng cá thể lại tương đối ít. Loài ít hoặc hiếm gặp như ba kích (*Morinda officinalis*) (EN), lan kim tuyến (*Anoetochilus roxburghii*) (IIA), cát sâm (*Nanhaia speciosa*) (VU), cầu tích (*Cibotium barometz*) (IIA); trầm hương (*Aquilaria crassna*) (EN)... Loài trầu yên tử (*Asarum yentuiense*) (IIA), ô rô bà (*Aucuba* sp.) (CR) chỉ gặp ở độ cao 700 m trở lên. Bên cạnh đó, các loài thạch xương bồ (*Acorus gramineus*) (EN), tắc kè đá bon (*Drynaria bonii*) (VU), hoàng tinh hoa trắng (*Disporopsis longifolia*) (VU), huệ đá hoa tím (*Peliosanthes teta*) (VU), thiết đỉnh lá bẹ (*Markhamia stipulata*) (VU)... tần suất gặp tương đối nhiều.

***Các loài cây thuốc hiện đang được khai thác**

Kết quả ghi nhận các cây thuốc được khai tại huyện Sơn Động có 113 loài thuộc 97 chi, 57 họ. Đối chiếu với danh sách các cây thuốc bảo tồn của nghiên cứu này, danh sách này có 13 loài trong danh sách bảo tồn gồm: Bồ bèo việt nam (*Goniothalamus vietnamensis*), gù hương (*Cinnamomum balansae*), hoàng tinh hoa trắng (*Disporopsis longifolia*), thạch xương bồ (*Acorus gramineus*), tắc kè đá (*Drynaria bonii*), khôi lá to (*Ardisia kteniophylla*), na rừng (*Kadsura coccinea*), hoàng đằng (*Fibraurea tinctoria*), Cầu tích (*Cibotium barometz*), trầu yên tử (*Asarum yentuiense*), lan kim tuyến (*Anoetochilus roxburghii*), ba kích (*Morinda officinalis*), cát sâm (*Nanhaia speciosa*). Đáng lưu ý, loài trọng lâu nhiều lá (*Paris polyphylla*) đã được ghi nhận của một số nghiên cứu trước đây cùng với công tác phỏng vấn người dân, nơi thu mua dược liệu rừng, hiện đã không còn xuất hiện tại địa phương.

***Các loài cây thuốc đang được trồng**

Kết quả, 13 loài có giá trị làm thuốc đang được trồng sản xuất và phát triển trong đó có 04 loài có giá trị bảo tồn với tổng diện tích trên 50 ha. Các loài

được trồng là: Trà hoa vàng (*Camellia chrysantha*) 3 ha, đinh lăng (*Polyscias fruticosa*) 4 ha, ba kích (*Morinda officinalis*) 15 ha, cát sâm (*Nanhaia speciosa*) 5 ha, ngải đài loan (*Artemisia japonica*) 7 ha, hoài sơn (*Dioscorea hamiltonii*) 6 ha, sa nhân tím (*Amomum longiligulare*) 4 ha, giới xanh (*Michelia balansae*) 3 ha, gỏi hạc tía (*Leea rubra*) 0,5 ha, ngưu tất (*Achyranthes bidentata*) 2 ha, dành dành (*Gardenia augusta*) 1,5 ha, trầm hương (*Aquilaria crassna*) 3 ha. Việc triển khai trồng các loài cây thuốc tại đây cũng là tiền đề để hình thành các vùng trồng dược liệu tại địa phương.

4. Kết luận

Qua điều tra khảo sát đã phát hiện và ghi nhận nguồn tài nguyên cây thuốc của huyện Sơn Động có 649 loài, thuộc 437 chi, 149 họ của 6 ngành thực vật có mạch; Ghi nhận 39 loài có giá trị bảo tồn tại huyện Sơn Động; 113 loài đang được khai thác; 13 loài cây thuốc đang được trồng và phát triển ở huyện Sơn Động. Nguồn tài nguyên cây thuốc tại huyện Sơn Động có sự đa dạng về họ, chi và ít đa dạng số lượng loài trong từng chi; ghi nhận 05 dạng sống, chứa 16 nhóm bệnh khác nhau, 13 bộ phận dùng.

Huyện Sơn Động là nơi tập trung nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, cuộc sống gắn với rừng, tri thức của mỗi dân tộc nên tri thức sử dụng các loài cây thuốc rất độc đáo và phong phú. Để gìn giữ và phát triển nguồn tài nguyên cây thuốc của các địa phương cần tiếp tục có những nghiên cứu chuyên sâu về các loài cây thuốc cùng với tri thức sử dụng cây thuốc tại đây.

Lời cảm ơn: Nhóm tác giả xin chân thành cảm ơn sự tài trợ kinh phí của đề tài cấp tỉnh tỉnh “Điều tra, đánh giá thực trạng và đề xuất kế hoạch bảo tồn, phát triển một số loài cây thuốc có hiệu quả kinh tế cao tại tỉnh Bắc Giang” để thực hiện đề tài: “Điều tra, đánh giá tình đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc tại huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang” để thực hiện nghiên cứu này.

Tài liệu tham khảo

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang (2021), Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi: Đề án phát triển dược liệu quý thành chuỗi giá trị sản xuất hàng hóa tập trung quy mô công nghiệp tại huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang, *thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2021-2030*.
2. Nguyễn Tập (2006), Điều tra cây thuốc và nghiên cứu bảo tồn, *Nghiên cứu thuốc từ thảo dược*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, 33-109.
3. Nguyễn Nghĩa Thìn (2007), *Các phương pháp nghiên cứu thực vật*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Nguyễn Tiên Bản (1997), *Cẩm nang tra cứu và nhận biết các họ thực vật hạt kín ở Việt Nam*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
5. Phạm Hoàng Hộ (1999, 2000, 2002), *Cây cỏ Việt Nam*, tập I, II, III, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
6. Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2000 - 2017), *Thực vật chí Việt Nam*, NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ.
7. Forman L. L. (1991), Menispermaceae, *Flora of Thailand*, Vol 5(3), 300-365.
8. <http://efloras.org/>.
9. Viện Dược liệu (2016), *Danh lục cây thuốc Việt Nam*, NXB Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội.
10. The angiosperm phylogeny group (2016), An Update of the Angiosperm Phylogeny group classification for the orders and families of flowering plants: APG IV, *Botanical journal of the Linnean Society*, 181, 1-20.
11. <https://powo.science.kew.org/>.
12. Nguyễn Nghĩa Thìn (2004), *Hệ sinh thái rừng nhiệt đới*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
13. Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2007), *Danh lục đỏ Việt Nam, phần II - Thực vật*, NXB Khoa học tự nhiên và công nghệ.
14. Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2007), *Sách đỏ Việt Nam, phần II - Thực vật*, NXB Khoa học tự nhiên và công nghệ.
15. Nguyễn Tập (2019), Danh lục đỏ cây thuốc Việt Nam, *Tạp chí Dược liệu*, 24(6), 319 - 328.
16. Nghị định 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính Phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.
17. Phan Van Truong (2020), Diversity of medicinal plant resources in Lang Son province, Vietnam, *Journal of Medicinal Materials*, 25(5), 316-320.